

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2023/DS-PT

Ngày: 20 - 7 - 2023

“V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Quốc Tuấn

Các Thẩm phán:

Ông Võ Thái Sơn.

Bà Trịnh Thị Bích Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tăng Thị Như Ý - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Đặng Kim Quang - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 20 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 70/2023/TLPT-DS ngày 19 tháng 5 năm 2023, về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2023/DS-ST, ngày 20 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 103/2023/QĐPT-DS ngày 30 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị L, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Ấp P, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

2. *Bị đơn:*

2.1 Bà Phùng Thị Bé S, sinh năm 1968.

2.2 Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1969.

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Trần Công K, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Ấp P, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

4. *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Nguyễn Văn H và bà Phùng Thị Bé S.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại Bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn bà Lê Thị L trình bày: Vào ngày 06/01/2018 âm lịch, vợ chồng bà Phùng Thị Bé S và ông Nguyễn Văn H có tìm gặp bà, nhờ giúp đỡ vô giùm hai chân hụi do bà Đ làm chủ hụi, và có nhờ hót đầu để ông H, bà S có tiền mua phân thuốc bón vườn cây ăn trái và cho con gái 01 cây vàng lúc đám cưới. Do nghĩ là tình làng nghĩa xóm nên bà đồng ý vô giùm 02 chân hụi, hụi 2.000.000đồng/tháng, gồm 16 phần, do bà Huỳnh Thị Đ1 cư trú tại chợ C làm chủ hụi. Ngay lần khai hụi đầu tiên và hót hết 02 chân hụi, được tổng số tiền là 42.000.000đồng, trừ hai triệu tiền đầu thảo, còn lại 40.000.000đồng. Sau khi hót hụi, bà đã giao đủ 40.000.000đồng cho bà S, ông H. Sau đó bà S, ông H đóng mỗi tháng 4.000.000đồng tiền hụi chết nhưng chỉ đóng được 08 lần (ngày 06/02/2018 đến ngày 06/9/2018 âm lịch), tổng cộng là 32.000.000đồng rồi ngưng không đóng hụi chết nữa. Từ lần 9 ngày 06/10/2018, đến lần 15 (06/4/2019) âm lịch đến nay thì không đóng hụi chết nữa. Việc giao nhận tiền không có làm giấy tờ, biên nhận. Nay bị đơn còn nợ lại 07 lần hụi chết là 28.000.000đồng. Bà đã nhiều lần tìm bà S, ông H để yêu cầu trả tiền hụi và tiền lãi nhưng vẫn không chịu trả. Nay yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phùng Thị Bé S và ông Nguyễn Văn H trả tổng số tiền hụi chết chưa đóng là 28.000.000đồng và tiền lãi suất từ ngày 06/10/2018 (âm lịch) đến nay là 32.000.000đồng, tổng số tiền phải trả gốc và lãi là 60.000.000đồng.

Bị đơn bà Phùng Thị Bé S trình bày: Vợ chồng bà có nhờ bà Lê Thị L đứng đại diện chơi giùm 02 chân hụi, hụi 2.000.000đồng/tháng, kêu hót hụi lần đầu và đã nhận 40.000.000đồng từ bà Lê Thị L. Sau đó, bà đã đóng đến mãn hụi này, tổng số tiền thực tế đã đóng cho bà L bao nhiêu tiền thì bà không nhớ. Khi giao tiền, có lần gửi bà L1, có lần gửi ông K chồng bà L, nhưng không nhớ cụ thể bao nhiêu tiền và không nhớ ngày nào, khi giao tiền hai bên không làm biên nhận hay giấy tờ gì và cũng không có giấy tờ gì chứng minh việc đã trả tiền cho bà L đầy đủ, vì là chỗ chị em, hơn nữa tiền hụi nào giờ không có làm giấy tờ gì. Nay bà L yêu cầu vợ chồng bà trả tiền hụi chết và tiền lãi suất 60.000.000đồng bà không đồng ý.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày: Ông là chồng của bà Phùng Thị Bé S, thống nhất với phần trình bày của bà S. Vợ chồng ông, bà đã trả đủ tiền cho bà L nên không đồng ý trả 60.000.000đồng theo yêu cầu của bà L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Công K trình bày: Ông là chồng của bà Lê Thị L, ông thống nhất với lời trình bày của bà L. Năm 2018, ông

có nghe bà L nói chơi hụi giùm cho bà S, ông H. Ông H, bà S có nhận 40.000.000đồng từ bà L. Sau đó đóng hụi chết lại được mấy lần thì ông không rõ, do bà L tự theo dõi. Hai chân hụi đã mãn hụi, bà L dùng tiền chung của vợ chồng để đóng hụi chết thay cho bà S, ông H. Nay bà S, ông H phải có nghĩa vụ trả tiền lại cho vợ chồng ông.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2023/DS-ST, ngày 20/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị L về việc yêu cầu bị đơn bà Phùng Thị Bé S, ông Nguyễn Văn H trả tiền vay, vốn và lãi số tiền 44.000.000đồng.

Buộc bà Phùng Thị Bé S và ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị L và ông Trần Công K số tiền 17.694.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về lãi chậm thi hành án, án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự theo quy định.

Ngày 28/02/2023 bị đơn ông Nguyễn Văn H và bà Phùng Thị Bé S có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, không đồng ý trả tiền cho bà Lê Thị L.

Tại phiên tòa phúc thẩm đương sự trình bày:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với các bị đơn và đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm.

Bà Phùng Thị Bé S, ông Nguyễn Văn H có thay đổi yêu cầu kháng cáo là chỉ yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Phùng Thị Bé S, ông Nguyễn Văn H thừa nhận ngày 06/01/2018 âm lịch có nhờ nguyên đơn tham gia chơi giùm hụi 2.000.000đồng/tháng, hụi có 16 phần, tham gia 02 phần và đã nhận tiền hụi 40.000.000đồng từ bà L. Sau đó, hàng tháng ông, bà đã giao đủ tiền cho bà L để nhờ bà L đóng hụi chết cho đến mãn dây hụi, vì là chỗ quen biết tin tưởng nhau nên khi ông, bà giao tiền cho bà L và gia đình của bà L thì không có làm giấy ký xác nhận.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và đương sự đã thực hiện và chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của các bị đơn bà Phùng Thị Bé S, ông Nguyễn Văn H. Kiến nghị cấp sơ thẩm ban hành Quyết định, sửa chữa bổ sung bản án đối

với năm thụ lý vụ án và kiểm tra lỗi đánh máy, thời gian được nêu tại các biên bản tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Xét kháng cáo của bị đơn bà Phùng Thị Bé S, ông Nguyễn Văn H, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Phùng Thị Bé S, ông Nguyễn Văn H có đơn kháng cáo đúng theo quy định tại Điều 273, Điều 274, Điều 276 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm, bà Phùng Thị Bé S, ông Nguyễn Văn H có thay đổi yêu cầu kháng cáo là chỉ yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét thấy việc thay đổi kháng cáo của bà Phùng Thị Bé S, ông Nguyễn Văn H không vượt quá phạm vi kháng cáo căn cứ tại khoản 2 Điều 284 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên việc thay đổi yêu cầu kháng cáo của ông, bà được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, cũng như tại phiên toà phúc thẩm bà Bé S, ông H thừa nhận ngày 06/01/2018 âm lịch có nhờ bà L tham gia chơi giùm hụi 02 triệu đồng/tháng, hụi có 16 phần, tham gia 02 phần, kêu hốt hụi lần đầu, đã nhận được 40.000.000đồng từ bà L và có trách nhiệm mỗi tháng đưa cho bà L 4.000.000đồng để bà L đóng lại hụi chết cho chủ hụi.

[2] Bà L thừa nhận là bà S, ông H đã đưa cho bà đóng được 08 lần hụi chết với tổng số tiền là 32.000.000đồng, còn nợ lại 07 lần với số tiền là 28.000.000đồng. Nên bà L yêu cầu bà S, ông H phải có trách nhiệm trả số tiền 28.000.000đồng và tiền lãi 16.000.000đồng. Phía bị đơn bà Bé S, ông H cho rằng đã trả đủ số tiền cho bà L nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà L.

[2.1] Xét thấy, bà L với bà S, ông H trên cơ sở tin tưởng với nhau khi thoả thuận việc chơi hụi giùm, khi giao nhận tiền hụi và khi đóng tiền hụi chết thì các bên không lập văn bản gì để ký nhận, cũng như không có người chứng kiến nên việc thừa nhận của các bên là cơ sở để xem xét giải quyết vụ án.

[2.2] Việc bà S, ông H thừa nhận có nhận 40.000.000đồng từ bà L và bà L thừa nhận bà S, ông H đã trả được cho bà là 32.000.000đồng; đây là tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh. Do đó, bà S, ông H cho rằng đã đưa tiền cho bà

L thực hiện việc đóng tiền hối chết đầy đủ và đã xong nhưng không được bà L thừa nhận thì nghĩa vụ chứng minh là của bà S, ông H.

[3] Cấp sơ thẩm, căn cứ vào lời trình bày và thừa nhận của các bên xác định việc thoả thuận của các bên là giao dịch dân sự về hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn, có thoả thuận về lãi suất và đã điều chỉnh mức lãi suất phù hợp theo quy định. Trên cơ sở đó, cấp sơ thẩm buộc bà S và ông H có nghĩa vụ trả cho bà L và ông K số tiền 17.694.000 đồng được bà L, ông K chấp nhận với bản án sơ thẩm và không có kháng cáo.

[4] Tại phiên toà phúc thẩm, của ông Nguyễn Văn H và bà Phùng Thị Bé S là người kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ gì mới để chứng minh cho việc kháng cáo của ông bà là có căn cứ. Hội đồng xét xử chấp nhận theo đề nghị của Kiểm sát viên, không chấp nhận kháng cáo của bà S, ông H, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đối với kiến nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên toà, xét thấy cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm ban hành Quyết định, sửa chữa bổ sung bản án đối với năm thụ lý vụ án và kiểm tra lỗi đánh máy, thời gian được nêu tại các biên bản tố tụng, vấn đề này không ảnh hưởng đến nội dung giải quyết vụ án nên kiến nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 92, Điều 147, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 463, 465, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn H và bà Phùng Thị Bé S.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị L.

Buộc bà Phùng Thị Bé S và ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị L và ông Trần Công K số tiền 17.694.000 đồng (Mười bảy triệu sáu trăm chín mươi bốn nghìn đồng).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu

khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phùng Thị Bé S và ông Nguyễn Văn H cùng phải chịu 884.720đồng (Tám trăm tám mươi bốn nghìn bảy trăm hai mươi đồng).

Bà Lê Thị L và ông Trần Công K cùng phải chịu 1.315.280đồng (Một triệu ba trăm mười lăm nghìn hai trăm tám mươi đồng). Chuyển 1.500.000đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà Lê Thị L đã nộp theo biên lai thu số 0010694 ngày 03/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang thành án phí. Bà Lê Thị L được nhận lại 184.720đồng (Một trăm tám mươi bốn nghìn bảy trăm hai mươi đồng).

Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Phùng Thị Bé S phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà Phùng Thị Bé S đã nộp theo biên lai thu số 0010958 ngày 01/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang thành án phí phúc thẩm.

Ông Nguyễn Văn H phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ông Nguyễn Văn H đã nộp theo biên lai thu số 0010959 ngày 01/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang thành án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 20/7/2023.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hậu Giang
- TAND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS H. Châu Thành;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Quốc Tuấn

